

TÊN CỤC THUẾ/ DEPARTMENT OF TAXATION :.....

Mẫu số/ Form No: 01GTKT3/001

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**VAT INVOICE**

Ký hiệu/ Serial: 01AA/11P

Liên 1: Lưu ( 1st, copy: File)

Số/ No: 0000001

Ngày/ Date .....tháng/ month .....năm 20/ year 20.....

Đơn vị bán hàng/ Company :.....

Mã số thuế/ VAT code :.....

Địa chỉ/ Place Address :.....Số tài khoản/ Bank AC: .....

Điện thoại/ Phone number:.....

Họ tên người mua hàng/ Buyer: .....

Tên đơn vị/ Company: .....

Mã số thuế/ VAT Code:.....

Địa chỉ/ Place Address ..... Số tài khoản/ Bank AC;  
.....

| STT/<br>No | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>Description | Đơn<br>vị<br>tính<br>Unit | Số lượng<br>Quantity | Đơn<br>giá<br>Unit<br>price | Thành tiền<br>Amount |
|------------|--------------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------------|----------------------|
| 1          | 2                                    | 3                         | 4                    | 5                           | 6=4×5                |

Cộng tiền hàng/ Total Amount: .....

Thuế suất GTGT/ VAT rate : ..... % , Tiền thuế GTGT/ VAT :.....

Tổng cộng tiền thanh toán/ Total payment: .....

Số tiền viết bằng chữ/ Amount in words:

.....

Người mua hàng/ Buyer

*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

*(Sign, full name)*

Người bán hàng/ Seller

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*

*( Sign, stamp, full name)*

*(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)*